Phụ lục V .5

BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ QUẬN THỐT NỐT

(Ban hành kèm Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ năm 2013
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
	a) Đất ở tại đô thị			
1	Bạch Đằng	Quốc lộ 91	Bến đò Tân Lộc	8,400,000
2	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91	Nguyễn Văn Kim	4,900,000
3	Đường bờ kè	Cầu Thốt Nốt	Bến đò Tân Lộc	8,400,000
4	Đường lộ Chùa	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,050,000
5	Đường Lộ mới	Quốc lộ 91	Cổng trường tiểu học Thốt Nốt	4,200,000
6	Đường Lộ mới	Quốc lộ 91	Kho Mai Anh	1,750,000
7	Đường Lộ mới	Cầu Thốt Nốt	Đường lộ mới	1,750,000
8	Đường Lộ mới (Trạm thú y)	Nguyễn Thái Học	Nguyễn Trung Trực	4,900,000
9	Đường Lộ Ông Ba	Quốc lộ 91	Sông Hậu	2,100,000
10	Đường nhà máy Ngô Nguyên Thạnh	Lê Thị Tạo	Sông Hậu	2,800,000
11	Đường Tái định cư Mũi Tàu	Lê Thị Tạo	Vàm Lò Gạch	1,750,000
12	Sư Vạn Hạnh	Quốc lộ 91	Tịnh xá Ngọc Trung Tăng	3,500,000
13	Phan Đình Giót	Quốc lộ 91	Lê Thị Tạo	3,500,000
14	Hòa Bình	Lê Lợi	Nguyễn Thái Học	8,400,000
15	Lê Lợi	Quốc lộ 91	Bến đò Tân Lộc	8,400,000
		Quốc lộ 91	Cầu Chùa	7,000,000
16	Lê Thị Tạo	Lê Lợi	Phan Đình Giót	8,400,000
		Phan Đình Giót	Mũi Tàu	6,300,000
17	Lộ Sân Banh	Quốc lộ 91	Sông Hậu	840,000
18	Nguyễn Công Trứ	Quốc lộ 91	Lê Thị Tạo	5,600,000
19	Nguyễn Thái Học	Quốc lộ 91	Lê Thị Tạo	8,400,000

20	Nguyễn Thái Học nối dài	Quốc lộ 91	Nguyễn Văn Kim	7,000,000
21	Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 91	Lê Thị Tạo	7,000,000
22	Nguyễn Văn Kim	Lê Lợi	Đường 30 tháng 4	2,800,000
23	Quốc lộ 91	Lộ Sân Banh	Lộ Ông Ba	4,900,000
		Khu dân cư khu vực Phụng Thạnh 1 (ngang lộ Ông Ba)		840,000
		Lộ Ông Ba	Cầu Thốt Nốt	5,600,000
		Cầu Thốt Nốt	Cống Lò Heo	8,400,000
		Cống Lò Heo	Mũi Tàu	4,200,000
		Mũi Tàu	Cái Sơn (Văn phòng khu vực)	2,800,000
24	Tự Do	Lê Lợi	Nguyễn Thái Học	8,400,000
25	Trưng Nữ Vương	Quốc lộ 91	Nguyễn Văn Kim	2,800,000
26	Thoại Ngọc Hầu	Các tuyến đường thuộc khu trung tâm dân cư thương mại		8,400,000
	b) Đất ở tiếp giáp các trục đường giao thông			
1	Cặp Quốc lộ 80	Trung tâm ngã ba Lộ Tẻ	Cầu ZêRô	1,750,000
		Cầu Zerô	Cầu số 1	1,050,000
2	Cặp Quốc lộ 91	Cái Sơn	Cầu Trà Uối	1,400,000
		Các đoạn đường còn lại của phường Thới Thuận, phường Thuận An.		1,400,000
		Cống Rạch Rạp	Cầu Cái Sắn	1,750,000
		Lộ Sân Banh	Cai Tư	2,100,000
		Cai Tư	Cầu Cái Ngãi	1,400,000
		Các đoạn đường còn lại của phường: Trung Kiên, Thuận Hưng và Tân Hưng.		700,000
3	Đường tỉnh 921	Cầu Chùa	Cầu Trà Bay	2,800,000
		Cầu Trà Bay	Giáp ranh chợ Rạch Rích	1,400,000
		Trung tâm chợ Bắc Đuông	Chùa Vi Phước (phường Thạnh Hòa)	1,750,000

		Trung tâm chợ Bắc Đuông	về Trung An 100m (thuộc phường Thạnh Hòa)	1,750,000
		Các đoạn đường còn lại tiếp giáp trục lộ giao thông		700,000
4	Đường tránh chợ Cầu Sắt Thơm Rơm	Phía chợ		1,050,000
		Phía hướng về Thốt Nốt		980,000
5	Nguyễn Trọng Quyền	Quốc lộ 91	Cầu Thủy Lợi	700,000
		Đoạn còn lại thuộc đường Nguyễn Trọng Quyền		560,000
6	Hương lộ Tân Lộc	Bến đò Long Châu (đầu Cồn)	Rạch Ông Chủ	700,000
		Ranh chợ phường qua mỗi bên 150m		700,000
		Các đoạn đường còn lại tiếp giáp hương lộ		560,000
7	Khu dân cư chợ Bò Ót	Toàn khu		2,100,000
8	Khu dân cư chợ gạo	Toàn khu		700,000
9	Khu dân cư phường Trung Kiên	Khu dân cư chợ dân lập khu vực Lân Thạnh 2		840,000
		Quốc lộ 91 – bến đò Tân Lộc (đường bến đò Trung Kiên – Tân Lộc) khu vực Qui Thạnh 1.		840,000
10	Khu dân cư Thuận An	Toàn khu		840,000
11	Mai Văn Bộ	Quốc lộ 91	Chợ phường (phía lộ)	560,000
12	Phường Trung Kiên	Các khu dân cư còn lại của khu vực Qui Thạnh 1		630,000
13	Tuyến đường	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui (phía Phụng Thạnh 2)	630,000
14	Trung tâm cầu Bò Ót	Từ tim cầu qua mỗi bên 500m		2,450,000
15	Trung tâm cầu Cần Thơ Bé	Từ tim cầu	Mai Văn Bộ qua kinh lộ và đến cầu sắt Thơm Rơm	560,000

		Từ tim cầu	Tịnh Thất Thường Tịnh (phía kinh lộ)	560,000
16	Trung tâm cầu Cần Thơ Bé - Chợ cầu Cần Thơ Bé (từ cầu vào 157m)	Từ tim cầu	Mai Văn Bộ	1,050,000
		Từ tim cầu	Lộ Bích Vàm (phía lộ)	1,050,000
17	Trung tâm cầu sắt Thơm Rơm	Từ tim cầu	Hết thửa 254 khu vực Tân Lợi 2	1,050,000
		Từ tim cầu	Hết thửa 421 khu vực Tân Phước (Trường học)	1,050,000
		Chợ Thơm Rơm		1,050,000
18	Trung tâm chợ phường Thuận Hưng	Ranh chợ ra 4 phía (mỗi phía 200m).		1,050,000
19	Ven sông Cái Sắn	Vàm Cái Sắn	Cầu Cái Sắn	1,050,000
		Cầu Cái Sắn	Cầu ZeRô	1,050,000
20	Ven sông Hậu (tính thâm hậu 50m)	Vàm Cái Sắn	Vàm Lò Gạch (Mũi tàu)	1,260,000
		Vàm Lò Gạch (mũi Tàu)	Lộ Sân Banh	1,400,000
		Lộ Sân Banh	Vàm Cai Tư	700,000
		Vàm Cai Tư	Giáp ranh quận Ô Môn	560,000
21	Ven sông Thốt Nốt	Cầu Chùa	Cầu Trà Bay (phía Đường tỉnh 921)	1,750,000
		Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Bay (phía Phụng Thạnh 2)	630,000
22	Khu dân cư chợ Phúc Lộc 1, phường Trung Nhứt			560,000

Phụ lục IV .5

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ QUẬN THỐT NỐT

(Ban hành kèm Quyết định số /2012/QĐ-UBND ngày tháng năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ năm 2013
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
	a) Đất ở tại đô thị			
1	Bạch Đằng	Quốc lộ 91	Bến đò Tân Lộc	12,000,000
2	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91	Nguyễn Văn Kim	7,000,000
3	Đường bờ kè	Cầu Thốt Nốt	Bến đò Tân Lộc	12,000,000
4	Đường lộ Chùa	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,500,000
5	Đường Lộ mới	Quốc lộ 91	Cổng trường tiểu học Thốt Nốt	6,000,000
6	Đường Lộ mới	Quốc lộ 91	Kho Mai Anh	2,500,000
7	Đường Lộ mới	Cầu Thốt Nốt	Đường lộ mới	2,500,000
8	Đường Lộ mới (Trạm thú y)	Nguyễn Thái Học	Nguyễn Trung Trực	7,000,000
9	Đường Lộ Ông Ba	Quốc lộ 91	Sông Hậu	3,000,000
10	Đường nhà máy Ngô Nguyên Thạnh	Lê Thị Tạo	Sông Hậu	4,000,000
11	Đường Tái định cư Mũi Tàu	Lê Thị Tạo	Vàm Lò Gạch	2,500,000
12	Sư Vạn Hạnh	Quốc lộ 91	Tịnh xá Ngọc Trung Tăng	5,000,000
13	Phan Đình Giót	Quốc lộ 91	Lê Thị Tạo	5,000,000
14	Hòa Bình	Lê Lợi	Nguyễn Thái Học	12,000,000
15	Lê Lợi	Quốc lộ 91	Bến đò Tân Lộc	12,000,000
		Quốc lộ 91	Cầu Chùa	10,000,000
16	Lê Thị Tạo	Lê Lợi	Phan Đình Giót	12,000,000
		Phan Đình Giót	Mũi Tàu	9,000,000
17	Lộ Sân Banh	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,200,000
18	Nguyễn Công Trứ	Quốc lộ 91	Lê Thị Tạo	8,000,000
19	Nguyễn Thái Học	Quốc lộ 91	Lê Thị Tạo	12,000,000

20	Nguyễn Thái Học nối dài	Quốc lộ 91	Nguyễn Văn Kim	10,000,000
21	Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 91	Lê Thị Tạo	10,000,000
22	Nguyễn Văn Kim	Lê Lợi	Đường 30 tháng 4	4,000,000
23	Quốc lộ 91	Lộ Sân Banh	Lộ Ông Ba	7,000,000
		Khu dân cư khu vực Phụng Thạnh 1 (ngang lộ Ông Ba)		1,200,000
		Lộ Ông Ba	Cầu Thốt Nốt	8,000,000
		Cầu Thốt Nốt	Cống Lò Heo	12,000,000
		Cống Lò Heo	Mũi Tàu	6,000,000
		Mũi Tàu	Cái Sơn (Văn phòng khu vực)	4,000,000
24	Tự Do	Lê Lợi	Nguyễn Thái Học	12,000,000
25	Trưng Nữ Vương	Quốc lộ 91	Nguyễn Văn Kim	4,000,000
26	Thoại Ngọc Hầu	Các tuyến đường thuộc khu trung tâm dân cư thương mại		12,000,000
	b) Đất ở tiếp giáp các trục đường giao thông			
1	Cặp Quốc lộ 80	Trung tâm ngã ba Lộ Tẻ	Cầu ZêRô	2,500,000
		Cầu Zerô	Cầu số 1	1,500,000
2	Cặp Quốc lộ 91	Cái Sơn	Cầu Trà Uối	2,000,000
		Các đoạn đường còn lại của phường Thới Thuận, phường Thuận An.		2,000,000
		Cống Rạch Rạp	Cầu Cái Sắn	2,500,000
		Lộ Sân Banh	Cai Tư	3,000,000
		Cai Tư	Cầu Cái Ngãi	2,000,000
		Các đoạn đường còn lại của phường: Trung Kiên, Thuận Hưng và Tân Hưng.		1,000,000
3	Đường tỉnh 921	Cầu Chùa	Cầu Trà Bay	4,000,000
		Cầu Trà Bay	Giáp ranh chợ Rạch Rích	2,000,000
		Trung tâm chợ Bắc Đuông	Chùa Vi Phước (phường Thạnh Hòa)	2,500,000

		Trung tâm chợ Bắc Đuông	về Trung An 100m (thuộc phường Thạnh Hòa)	2,500,000
		Các đoạn đường còn lại tiếp giáp trục lộ giao thông		1,000,000
4	Đường tránh chợ Cầu Sắt Thơm Rơm	Phía chợ		1,500,000
		Phía hướng về Thốt Nốt		1,400,000
5	Nguyễn Trọng Quyền	Quốc lộ 91	Cầu Thủy Lợi	1,000,000
		Đoạn còn lại thuộc đường Nguyễn Trọng Quyền		800,000
6	Hương lộ Tân Lộc	Bến đò Long Châu (đầu Cồn)	Rạch Ông Chủ	1,000,000
		Ranh chợ phường qua mỗi bên 150m		1,000,000
		Các đoạn đường còn lại tiếp giáp hương lộ		800,000
7	Khu dân cư chợ Bò Ót	Toàn khu		3,000,000
8	Khu dân cư chợ gạo	Toàn khu		1,000,000
9	Khu dân cư phường Trung Kiên	Khu dân cư chợ dân lập khu vực Lân Thạnh 2		1,200,000
		Quốc lộ 91 – bến đò Tân Lộc (đường bến đò Trung Kiên – Tân Lộc) khu vực Qui Thạnh 1.		1,200,000
10	Khu dân cư Thuận An	Toàn khu		1,200,000
11	Mai Văn Bộ	Quốc lộ 91	Chợ phường (phía lộ)	800,000
12	Phường Trung Kiên	Các khu dân cư còn lại của khu vực Qui Thạnh 1		900,000
13	Tuyến đường	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui (phía Phụng Thạnh 2)	900,000
14	Trung tâm cầu Bò Ót	Từ tim cầu qua mỗi bên 500m		3,500,000
15	Trung tâm cầu Cần Thơ Bé	Từ tim cầu	Mai Văn Bộ qua kinh lộ và đến cầu sắt Thơm Rơm	800,000

		Từ tim cầu	Tịnh Thất Thường Tịnh (phía kinh lộ)	800,000
16	Trung tâm cầu Cần Thơ Bé - Chợ cầu Cần Thơ Bé (từ cầu vào 157m)	Từ tim cầu	Mai Văn Bộ	1,500,000
		Từ tim cầu	Lộ Bích Vàm (phía lộ)	1,500,000
17	Trung tâm cầu sắt Thơm Rơm	Từ tim cầu	Hết thửa 254 khu vực Tân Lợi 2	1,500,000
		Từ tim cầu	Hết thửa 421 khu vực Tân Phước (Trường học)	1,500,000
		Chợ Thơm Rơm		1,500,000
18	Trung tâm chợ phường Thuận Hưng	Ranh chợ ra 4 phía (mỗi phía 200m).		1,500,000
19	Ven sông Cái Sắn	Vàm Cái Sắn	Cầu Cái Sắn	1,500,000
		Cầu Cái Sắn	Cầu ZeRô	1,500,000
20	Ven sông Hậu (tính thâm hậu 50m)	Vàm Cái Sắn	Vàm Lò Gạch (Mũi tàu)	1,800,000
		Vàm Lò Gạch (mũi Tàu)	Lộ Sân Banh	2,000,000
		Lộ Sân Banh	Vàm Cai Tư	1,000,000
		Vàm Cai Tư	Giáp ranh quận Ô Môn	800,000
21	Ven sông Thốt Nốt	Cầu Chùa	Cầu Trà Bay (phía Đường tỉnh 921)	2,500,000
		Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Bay (phía Phụng Thạnh 2)	900,000
22	Khu dân cư chợ Phúc Lộc 1, phường Trung Nhứt			800,000